



MÔ HÌNH KHU KINH TẾ – QUỐC PHÒNG Ở TÂY NGUYÊN

Nguyễn Thùy Trang

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 34 Lê Lợi, Huế, Việt Nam

Tóm tắt: Trải qua gần nửa thế kỷ đảm nhận nhiệm vụ phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng – an ninh trên vùng đất chiến lược Tây Nguyên, các đơn vị quân đội như Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 đã tạo dựng nên hệ thống khu kinh tế – quốc phòng trải dài theo tuyến biên giới giáp Lào và Campuchia. Khu kinh tế – quốc phòng tại Tây Nguyên là mô hình đặc thù thể hiện phương thức hoạt động mà các đơn vị quân đội chuyên xây dựng kinh tế trên địa bàn này đã linh hoạt triển khai nhằm thích nghi, vững vàng bám trụ và đáp ứng những yêu cầu nhiệm vụ đặt ra theo từng giai đoạn lịch sử. Bài báo tập trung làm rõ một số điểm riêng biệt của khu kinh tế – quốc phòng ở Tây Nguyên so với các địa bàn khác trong cả nước.

Từ khóa: khu kinh tế – quốc phòng, kinh tế kết hợp quốc phòng, Tây Nguyên, Binh đoàn 15, Binh đoàn 16

Mở đầu

Theo *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, khu kinh tế – quốc phòng là “vùng lãnh thổ và dân cư thuộc các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa trên địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển, được đầu tư xây dựng phát triển kinh tế – xã hội gắn với quốc phòng – an ninh theo Quyết định số 277/QĐ-TTg ngày 31-3-2000 của Thủ tướng Chính phủ; do quân đội đảm nhiệm, lấy đơn vị kinh tế – quốc phòng làm nòng cốt” [3, Tr. 568]. Cũng có thể hiểu rằng, khu kinh tế – quốc phòng là một trong những mô hình mà Quân đội nhân dân Việt Nam triển khai nhằm thực hiện phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng – an ninh tại các địa bàn chiến lược trong thời kỳ đất nước đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá – hiện đại hoá.

Tây Nguyên là nơi mô hình kinh tế – quốc phòng xuất hiện sớm nhất trong cả nước, là cơ sở để nhân rộng ra nhiều địa bàn chiến lược khác như Đông Bắc, Tây Bắc và Tây Nam Bộ. Vì vậy, hiểu rõ mô hình khu kinh tế – quốc phòng ở Tây Nguyên sẽ góp phần làm phong phú thêm kinh nghiệm thực tiễn về chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng tại Việt Nam, bổ sung lý luận để khẳng định sự đúng đắn của Đảng trong chủ trương quân đội tham gia sản xuất, xây dựng kinh tế trong thời kỳ đổi mới.

1. Sự ra đời của khu kinh tế – quốc phòng ở Việt Nam

Xuất phát từ đặc điểm tình hình của từng giai đoạn, nhà nước phong kiến qua các triều đại đều đã chú trọng đến vai trò của quân đội để giải quyết thành công vấn đề kết hợp kinh tế với quốc phòng trong quá trình “dựng nước đi đôi với giữ nước”. Bên cạnh các quốc sách “Ngụ

*Liên hệ: nguyentrang301090@gmail.com

Nhận bài: 23-5-2019; Hoàn thành phản biện: 23-7-2019; Ngày nhận đăng: 09-8-2019

binh ư nông”, “động vi binh, tĩnh vi dân”, v.v. thì chủ trương xây dựng đồn điền của các triều đại phong kiến, tuy khác nhau về phương thức thực hiện, bản chất, nhưng xét về mục đích quân sự, có thể xem là cơ sở lịch sử cho sự hình thành các khu kinh tế – quốc phòng hiện nay.

Thời nhà Trần có chế độ “Điền trang, thái ấp” với lực lượng lao động chính là nông nô. Thời bình, họ sản xuất tự cung tự cấp về kinh tế; khi xảy ra chiến tranh, họ là những người lính, những thái ấp này trở thành nơi cung cấp sức người, sức của cho đất nước. Hệ thống thái ấp thời Trần ban cho các vương hầu, tôn thất, quý tộc thường tập trung ở các khu vực ngã ba sông – những vị trí có ý nghĩa kinh tế, quốc phòng quan trọng, cho thấy triều đình giao cho các vương hầu trọng trách bảo vệ những địa bàn chiến lược của quốc gia Đại Việt.

Dưới thời nhà Lê, đồn điền là một chính sách khẩn hoang tương đối lớn của nhà nước phong kiến lúc bấy giờ, không chỉ có tác dụng mở rộng diện tích đất sản xuất và nguồn thu tô thuế mà còn xây dựng, củng cố quốc phòng miền biên viễn, bảo vệ đất nước. Các đồn điền ở biên giới được tổ chức chặt chẽ, quân sĩ cũng là người dân, gọi là “thực điền binh”. Đây là cơ sở huy động và cung cấp binh lương, sẵn sàng chiến đấu khi đất nước lâm nguy. Năm 1481, thời Hồng Đức, cả nước có 43 đồn điền. Hình thức đồn điền này được triều đình nhà Nguyễn kế thừa và tập trung phát triển với quy mô và hình thức lớn hơn. Cuối thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, đánh chiếm Nam kỳ, các đồn điền trở thành căn cứ quân sự quan trọng, cùng với “quân cơ, quân vệ” của triều đình chống lại kẻ thù. Trong tổng số 21.000 quân triều Nguyễn thì có 12.000 là dân đồn điền.

Kinh nghiệm lịch sử quý báu trên đây mà các bậc tiền nhân để lại nhằm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, tăng cường năng lực quốc phòng, phòng chống sự xâm lược của các thế lực ngoại bang đã được Đảng và Nhà nước tiếp nối và phát huy. Đảng và Nhà nước hết sức chú trọng vai trò của quân đội trong chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế.

Thông qua sự chỉ đạo sâu sát, quyết liệt, nhất quán của Đảng, với tinh thần tự lực tự cường, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, quân đội bên cạnh nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc đã luôn tích cực tăng gia sản xuất cải thiện đời sống; tham gia xây dựng hậu phương lớn miền Bắc, căn cứ hậu cần tại chỗ trên các vùng chiến lược, góp phần thực hiện thắng lợi hai chiến lược cách mạng: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Sau ngày đất nước thống nhất, quân đội là lực lượng xung kích, tham gia khôi phục, hàn gắn vết thương chiến tranh, đồng thời triển khai thực hiện các chương trình, dự án xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng trên khắp mọi miền đất nước, chủ yếu là ở các địa bàn khó khăn, miền núi, vùng biên giới, hải đảo.

Riêng đối với Tây Nguyên, vùng đất “phên dậu” của Tổ quốc và một trong những địa bàn có vị trí chiến lược hết sức quan trọng, Đảng đã tập trung chỉ đạo, tổ chức lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế từ sớm, ngay khi cuộc kháng chiến chống Mỹ còn chưa kết thúc¹. Chính vì vậy, lực lượng quân đội chuyên xây dựng kinh tế ở Tây Nguyên là những đơn vị có bề dày lịch sử, có nhiều kinh nghiệm thực tiễn đối với nhiệm vụ sản xuất của quân đội.

Đáng chú ý là sự xuất hiện của *Binh đoàn xây dựng kinh tế Tây Nguyên* (phiên hiệu Binh đoàn 15, thành lập ngày 20-2-1985), là đơn vị chuyên trách xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng cấp binh đoàn đầu tiên của quân đội từ ngày thống nhất đất nước.

Ra đời và đứng chân ở vùng biên giới không có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển, trong tình hình thế giới, đất nước đầy biến động, Binh đoàn 15 vẫn hoàn thành nhiệm vụ hình thành “vành đai xanh” tại Bắc Tây Nguyên, bảo vệ cho tuyến biên giới của đất nước. Hoạt động sản xuất, công tác dân vận của Binh đoàn 15 đã tạo ra những thay đổi lớn cho nhân dân trên địa bàn đứng chân, tạo ra bước phát triển nhảy vọt trong việc thực hiện nhiệm vụ kết hợp phát triển kinh tế gắn với củng cố quốc phòng – an ninh với vai trò nòng cốt của quân đội. Từ năm 1995 đến 1997, Binh đoàn 15 bước đầu xây dựng thành công các dự án kinh tế – quốc phòng dọc theo hành lang biên giới từ ngã ba Đông Dương thuộc huyện Ngọc Hồi (Kon Tum) đến huyện Đức Lập (Đắk Lắk). Điều này đánh dấu bước phát triển quan trọng của đơn vị nói riêng và lực lượng sản xuất, xây dựng kinh tế của quân đội nói chung và cho thấy hoạt động phát triển kinh tế của quân đội có thể xoá đói giảm nghèo cho nhân dân ở những vùng có điều kiện khó khăn, từ đó giải quyết những vấn đề xã hội, chính trị, hình thành thế phát triển bền vững, lâu dài cho địa phương. Quá trình thực hiện các dự án kinh tế – quốc phòng của Binh đoàn 15 ở Bắc Tây Nguyên trở thành cơ sở thực tiễn để khu kinh tế – quốc phòng ra đời trên phạm vi cả nước.

Năm 1998, Chính phủ xác định quân đội là một lực lượng tham gia, trực tiếp nhận nhiệm vụ xây dựng vùng kinh tế mới ở những nơi có điều kiện. Quân đội đã đón nhận khoảng 100 nghìn hộ dân đến lập nghiệp ở những các xã đặc biệt khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo theo *Chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo bền vững* (Chương trình 135) của Nhà nước. Đảng ủy Quân sự Trung ương cũng ra Nghị quyết số 150/ĐUQSTW ngày 1-8-1998 khẳng định: vai trò nòng cốt của quân đội trong thực hiện Chương trình 135 tại những vị trí xung yếu của Tổ quốc là giải pháp tích cực để thực hiện chiến lược kinh tế kết hợp quốc phòng.

¹ Ngay từ năm 1973, sau khi Hiệp định Paris được ký kết, vùng giải phóng hình thành ở Bắc Tây Nguyên và một số đơn vị quân đội đứng chân trên địa bàn này đã được lệnh bám trụ, ở lại làm nhiệm vụ phát triển kinh tế, xây dựng hậu phương, tại chỗ, chi viện cho lực lượng chủ lực giải phóng miền Nam. Các đơn vị này được xem là tiền thân của Binh đoàn 15.

Ngày 22-8-1998, Ban Chỉ đạo 150 trực thuộc Bộ Quốc phòng được thành lập, làm nhiệm vụ nghiên cứu các hoạt động của Binh đoàn 15, “khảo sát tổng thể, nắm toàn bộ thực trạng các khu kinh tế – quốc phòng trong cả nước và những địa bàn còn trống, dự trù mọi yếu tố lực lượng, tài chính để đưa vào quy hoạch xây dựng các khu mới” [15, Tr. 74].

Cuối năm 1999, Bộ Quốc phòng đưa ra *Đề án quy hoạch tổng thể quân đội tham gia xây dựng phát triển kinh tế xã hội ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu vùng xa gắn với xây dựng các khu quốc phòng – an ninh trên địa bàn chiến lược biên giới, ven biển* (Theo quyết định 135/1998/QĐ-TTg ngày 31-7-1998 của Thủ tướng Chính phủ). Ngày 31-3-2000, đề án chính thức được phê duyệt, đánh dấu sự mở đầu cho giai đoạn quân đội trực tiếp tham gia mặt trận xóa đói giảm nghèo. Từ đây, xây dựng các khu kinh tế – quốc phòng trên các địa bàn chiến lược đất liền, biển đảo chính thức trở thành chủ trương lớn để thực hiện kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế và quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá – hiện đại hoá đất nước.

Dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ, 28 khu Kinh tế – Quốc phòng đã được xây dựng từ biên giới phía Bắc vào Tây Nguyên và Tây Nam bộ với quy mô khác nhau. Riêng tại Tây Nguyên, có hai Tổng thể khu kinh tế – quốc phòng và bốn khu kinh tế – quốc phòng (Bảng 1).

Bảng 1. Các khu kinh tế – quốc phòng tại Tây Nguyên hiện nay

Khu kinh tế – quốc phòng	Địa bàn đứng chân tại Tây Nguyên	Diện tích tự nhiên	Cây trồng chủ đạo	Đơn vị quản lý
Binh đoàn 15	Đức Cơ, Ia Grai, Chư Prông (Gia Lai); Sa Thầy, Ngọc Hồi (Kon Tum); Ia Grai (Gia Lai)	90.419 ha	Cao su, cà phê, lúa nước	Binh đoàn 15 (trực thuộc Bộ Quốc phòng)
Binh đoàn 16	Tuy Đức, Quảng Tín (Đắk Nông)	47.650 ha	Cà phê, hồ tiêu, bơ	Binh đoàn 16 (trực thuộc Bộ Quốc phòng)
Easup ¹	Ea Súp, Buôn Đôn, CưMga (Đắk Lắk)	29.695 ha	Ca cao, chuối, cao lương, chanh dây	Đoàn kinh tế – quốc phòng 737 (Quân khu 5)
CưMga	CưMga, Krông – Búk, KrôngPák (Đắk Lắk)	13.797 ha	Điều, cà phê	Công ty cà phê 15 (Quân khu 5)
Quảng Sơn	Đắk GLong (Đắk Nông)	9.041 ha	Lúa nước, cà phê, ca cao, hồ tiêu	Công ty cà phê 15 (Quân khu 5)
Bắc Lâm Đồng	Di Linh, Lâm Hà, Đam Rông (Lâm Đồng)	118.880 ha	Cà phê	Đoàn kinh tế – quốc phòng Bắc Lâm Đồng (Quân khu 7)

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Sự hình thành hệ thống khu kinh tế – quốc phòng vững chắc do quân đội trực tiếp quản lý ở những địa bàn quan trọng trên tuyến biên giới không chỉ có vai trò rất lớn trong việc củng cố thế trận quốc phòng liên hoàn trong cả nước, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia mà còn tạo nhiều hiệu quả thiết thực mang tính tổng hợp về kinh tế – xã hội, chính trị – an ninh đối với nhân dân địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

2. Đặc điểm của mô hình khu kinh tế – quốc phòng ở Tây Nguyên

Từ việc nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của các khu kinh tế – quốc phòng ở Tây Nguyên có thể rút ra một số nét đặc trưng chung của mô hình này như sau:

Khu kinh tế – quốc phòng có mục tiêu chung là *“phát triển kinh tế – xã hội ở các vùng dự án, góp phần cải thiện và từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, kết hợp bảo đảm quốc phòng – an ninh ở địa bàn chiến lược, biên giới, ven biển, trên cơ sở bố trí lại dân cư theo quy hoạch sản xuất và mục tiêu lâu dài của quốc phòng, an ninh, hình thành nên các cụm xã biên giới, tạo nên vành đai biên giới trong thế trận quốc phòng toàn dân bảo vệ tổ quốc”* [13, Tr. 2]. Chính vì vậy, các khu kinh tế – quốc phòng được xây dựng trên địa bàn 1000 xã (trong tổng số 2612 xã) thuộc diện nghèo đói của cả nước, điển hình như khu kinh tế – quốc phòng Bắc Lâm Đông bao gồm các xã thuộc diện “nghèo đói bền vững” hàng đầu của cả nước.

Các khu kinh tế – quốc phòng đặt ra mục tiêu phát triển về kinh tế ở những nơi thuộc vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có địa hình hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt, cơ sở hạ tầng kém phát triển, là địa bàn sinh sống chủ yếu của đồng bào dân tộc thiểu số. Ở các địa bàn này, trình độ dân trí thấp, sản xuất phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên đời sống của bà con ở đây rất cực khổ, tỉ lệ đói nghèo cao, phong tục tập quán lạc hậu. Không chỉ vậy, địa bàn có các khu kinh tế – quốc phòng còn là những vị trí mang tính chiến lược về quốc phòng, nhạy cảm về chính trị. Tại đây, các thế lực thù địch không ngừng lợi dụng sự nghèo đói của đồng bào, các vấn đề dân tộc, tôn giáo, âm mưu sử dụng chiến lược “Diễn biến hòa bình” để tạo nên sự mất ổn định, chống phá cách mạng Việt Nam.

Ngoại trừ một vài khu kinh tế – quốc phòng nằm ven biển, đa số các khu kinh tế – quốc phòng đều phát triển nông – lâm nghiệp. Đối với lĩnh vực kinh tế này, tài nguyên đất được coi là điều kiện cơ bản, nhưng thực tế đất đai để xây dựng khu kinh tế – quốc phòng chủ yếu là các vùng đất trống, đồi núi trọc, rừng nghèo kiệt. Để được cấp đất, các đơn vị quân đội phải có sự cho phép của Nhà nước, chính quyền địa phương; đất phải cấp thành nhiều lần, qua nhiều giai đoạn. Điều này dẫn đến đất đai trở thành vấn đề nan giải của các khu kinh tế – quốc phòng, không chỉ gặp vô vàn khó khăn để phát triển kinh tế mà còn làm tình trạng thiếu đất sản xuất cho nhân dân, đặc biệt là dân di cư diễn ra khá phổ biến.

Khu kinh tế – quốc phòng được tạo dựng trong sự gắn bó hết sức chặt chẽ với người dân, bao gồm cả nhân dân địa phương và dân di cư. Một số khu kinh tế – quốc phòng được xây dựng ở những địa bàn trắng dân, như huyện Ea Súp (Đắk Lắk). Đối với các nơi này thì vấn đề đặt ra hàng đầu là phải đưa dân đến đây sinh sống ổn định, bám trụ lâu dài, xây dựng thành các điểm, cụm dân cư, từ đó quy hoạch để hình thành các đơn vị hành chính cơ sở mới cho địa phương.

Các khu kinh tế – quốc phòng trong cả nước đều do Bộ Quốc phòng làm chủ đầu tư, các đơn vị quân đội trực tiếp đóng quân ở khu vực được giao “*nhiệm vụ làm chỗ dựa cho dân phát triển kinh tế và lập nghiệp, từ đó củng cố thể trận quốc phòng dọc tuyến biên giới. Để hoàn thành nhiệm vụ, các đơn vị phải phối hợp với chính quyền địa phương sắp xếp bố trí dân cư, chống du canh, du cư, tham gia xây dựng chính quyền cơ sở, địa bàn trong vùng dự án thành khu vực kinh tế – văn hóa xã hội ổn định, phát triển về mọi mặt*” [5, Tr. 120].

Khu kinh tế – quốc phòng là một đơn vị kinh tế, một đơn vị quốc phòng, không phải là một đơn vị hành chính của Nhà nước. Hoạt động quản lý hành chính tại các khu kinh tế – quốc phòng vẫn do chính quyền địa phương đảm nhận, quân đội sẽ rút quân sau khi hoàn thành dự án, chỉ để lại đơn vị phụ trách quản lý cơ sở kinh tế của đơn vị.

Từ những đặc điểm trên, có thể thấy bản chất của khu kinh tế – quốc phòng mang nặng tính quốc phòng hơn tính kinh tế. Hoạt động kinh tế của các khu kinh tế – quốc phòng hoàn toàn không nhằm mục tiêu lợi nhuận mà là để nâng cao tiềm lực phòng thủ quốc gia tại chỗ, lấy việc thay đổi bộ mặt dân sinh trên địa bàn làm nền tảng.

Bên cạnh những điểm chung, do điều kiện lịch sử, quy mô, tổ chức nên mô hình khu kinh tế – quốc phòng ở Tây Nguyên có một số nét khác biệt:

Thứ nhất, ở Tây Nguyên có các Tổng thể khu kinh tế – quốc phòng được xây dựng trên quy mô lớn.

Tổng thể khu Kinh tế – Quốc phòng bao gồm nhiều khu kinh tế – quốc phòng liên kề nhau, dưới sự chỉ đạo của một tổ chức, đơn vị quân đội nhằm đảm bảo mục tiêu chung. Các khu kinh tế – quốc phòng, tùy vào điều kiện cụ thể, áp dụng phương thức sản xuất khác nhau, loại hình đơn vị trực tiếp quản lý khác nhau, có khả năng hỗ trợ cho nhau về vốn, nhân lực để duy trì thông qua cấp lãnh đạo cao nhất. Tuy nhiên, các khu kinh tế – quốc phòng tồn tại độc lập và có tính tự chủ ở một mức độ nhất định. Trong 28 khu kinh tế – quốc phòng đang được triển khai hiện nay, xét về quy mô số lượng và vốn đầu tư, chỉ có hai dự án kinh tế – quốc phòng do Binh đoàn 15 và Binh đoàn 16 phụ trách ở Tây Nguyên đã phát triển trở thành Tổng thể khu kinh tế – quốc phòng.

Quy mô của Tổng thể khu kinh tế – quốc phòng Binh đoàn 15 và Binh đoàn 16 trải rộng qua 4 tỉnh Tây Nguyên, từ Kon Tum cho đến Đắk Nông, chủ yếu là địa bàn sát dọc đường biên giới

(Binh đoàn 15 có 400 km giáp Lào và Campuchia, Binh đoàn 16 có 500 km giáp Campuchia). Đến năm 2015, Tổng thể khu kinh tế – quốc phòng Binh đoàn 15 gồm năm khu kinh tế – quốc phòng đã định hình, phát triển ổn định gồm Moray, Sa Thầy, Ngọc Hồi (Kon Tum); Đức Cơ, Nam Chu Prông thuộc tỉnh Gia Lai); Tổng thể khu kinh tế – quốc phòng Binh đoàn 16 đi từ cuối huyện Chu Prông (Gia Lai) đến huyện Lộc Ninh (Bình Phước) cũng đã tạo dựng được ba khu kinh tế – quốc phòng trên địa bàn Nam Tây Nguyên là Ea Súp (Đắk Lắk); Tuy Đức, Quảng Tín (Đắk Nông).

Mặt khác, đến nay đây cũng là hai dự án kinh tế – quốc phòng có quy mô vốn đã đầu tư lớn nhất cả nước: khu kinh tế – quốc phòng Binh đoàn 15 có tổng số vốn đầu tư 619,7 tỷ đồng (vốn ngân sách 91,7 tỷ đồng; vốn vay 370 tỷ đồng; vốn tự có 158 tỷ đồng), khu kinh tế – quốc phòng Binh đoàn 16 có tổng số vốn đầu tư 1.270 tỷ đồng (vốn ngân sách tỷ đồng 638,9; vốn vay 631,1 tỷ đồng).

Các khu kinh tế – quốc phòng ở Tây Nguyên đều phát triển trong lĩnh vực nông – lâm nghiệp, chủ yếu trồng các loại cây công nghiệp dài ngày có giá trị cao. Mặc dù giống nhau về mục tiêu lâu dài, nhưng các khu kinh tế – quốc phòng có sự khác nhau về phương hướng trước mắt. Đa số các khu kinh tế – quốc phòng do Binh đoàn 15 quản lý đều tập trung vào làm kinh tế, lấy hiệu quả kinh tế để giải quyết các vấn đề xã hội – chính trị, quốc phòng – an ninh. Trong khi đó, các khu kinh tế – quốc phòng của Binh đoàn 16 đảm nhận chủ yếu giải quyết vấn đề dân cư, xây dựng địa bàn, hoạt động sản xuất kinh tế mang tính hỗ trợ. Sự khác nhau này xuất phát từ nhiều nguyên nhân như điều kiện tự nhiên, đặc điểm dân cư, lịch sử và quá trình hình thành đơn vị.

Thứ hai, các đơn vị trực tiếp xây dựng khu kinh tế – quốc phòng ở Tây Nguyên là các doanh nghiệp kinh tế – quốc phòng.

Các đơn vị quân đội trực tiếp đứng chân tại các khu kinh tế – quốc phòng trong cả nước chịu sự quản lý của Quân khu hoặc Bộ Chỉ huy quân sự địa phương. Riêng ở Tây Nguyên, phần lớn các khu kinh tế – quốc phòng lại do các doanh nghiệp quản lý trực tiếp theo mô hình bộ máy Binh đoàn – Tổng công ty như Binh đoàn 15. Đây là mô hình một bộ máy thống nhất về quân sự và sản xuất phụ trách song song nhiệm vụ trên 2 lĩnh vực kinh tế và quốc phòng.

Về tổ chức quân sự, các đơn vị biên chế theo đội hình Binh đoàn – cấp tổ chức cao nhất trong lực lượng xây dựng kinh tế ở Việt Nam (tương đương với quân đoàn), biên chế nhiều đơn vị từ cấp đại đội đến sư đoàn để thực hiện nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu. Trong đó, lực lượng sản xuất là chủ yếu, theo quy mô sư đoàn hoặc trung đoàn, tồn tại độc lập với nhau.

Về tổ chức kinh tế, Binh đoàn 15 và Binh đoàn 16 là các “doanh nghiệp Nhà nước với nhiệm vụ phát triển kinh tế tại các vùng biên, vùng sâu, vùng xa, nhằm mở mang kinh tế, giúp đồng bào tại chỗ phát

triển sản xuất, thực hiện xóa đói giảm nghèo theo định hướng của Nhà nước” [1; Tr. 10]. Tùy thuộc vào tính chất nhiệm vụ, các đơn vị được tổ chức theo mô hình Tổng Công ty hoặc Công ty. Mặc dù, là doanh nghiệp nhà nước, đặt ra mục tiêu kinh doanh có lợi nhuận nhưng Tổng Công ty 15 và Công ty 16 để lợi nhuận phục vụ cho các hoạt động phát triển dân cư, xã hội trên địa bàn. Pháp nhân kinh tế chỉ dùng trong giao dịch với đối tác trong sản xuất kinh doanh, nên điều này không làm thay đổi bản chất của các khu kinh tế – quốc phòng do các đơn vị này quản lý, mà ngược lại nó càng cho thấy sự linh hoạt trong cách thức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế kết hợp với quốc phòng – an ninh ở Tây Nguyên.

Hai tổ chức trên có trách nhiệm riêng biệt nhưng lại được đặt một cách đan xen, lồng ghép trong một thực thể. Tổng công ty 15 – Binh đoàn 15, Công ty 16 – Binh đoàn 16 là những tổ chức thống nhất, trong đó, đội hình quân sự làm nòng cốt; tất cả các hoạt động đều tuân thủ chặt chẽ “kỷ luật thép” của quân đội, khi có mệnh lệnh sẽ hoàn toàn trở thành đơn vị vũ trang chiến đấu, phục vụ chiến đấu.

Dưới các công ty, trung đoàn là các đội sản xuất. Đây là bộ phận thể hiện rõ sự thống nhất, tính lưỡng dụng của bộ máy. Chiến sĩ, công nhân lao động ở các đội sản xuất là quân nhân trong thời chiến, nay trong thời bình vừa là công nhân chiến đấu trên mặt trận kinh tế, vừa làm công tác dân vận, chính là sự tiếp nối của chính sách “Ngụ binh ư nông” thời hiện đại.

Binh đoàn 16 có tổ chức quân sự cao để phục vụ đặc thù nhiệm vụ quốc phòng hết sức nặng nề trên địa bàn, nhưng quy mô sản xuất chưa lớn nên về kinh tế Binh đoàn 16 chỉ hoạt động dưới dạng mô hình Công ty với các đơn vị sản xuất là các nông trường, xí nghiệp quốc doanh. Việc này cho thấy hoạt động của Binh đoàn 16 nói chung và các trung đoàn đứng chân trên địa bàn Nam Tây Nguyên chưa đặt nặng vấn đề hiệu quả kinh tế.

Ở Tây Nguyên, có Đoàn Bắc Lâm Đồng (thuộc Quân khu 7) và Đoàn 737 (thuộc Quân khu 5) không do các doanh nghiệp quản lý. Các đoàn kinh tế – quốc phòng không có pháp nhân kinh tế độc lập, không đặt mục tiêu về lợi nhuận kinh doanh, chủ yếu tập trung giúp dân phát triển kinh tế, làm công tác xây dựng dựng cơ sở chính trị tại địa bàn, quy hoạch dân cư. Đây cũng là dạng mô hình quản lý áp dụng cho đa số các khu kinh tế – quốc phòng trong cả nước.

Sau khi việc xây dựng các khu kinh tế – quốc phòng trở thành chủ trương lớn của Đảng, ở Tây Nguyên, các doanh nghiệp quân đội tiếp tục quản lý các khu kinh tế – quốc phòng đã ổn định, mặt khác tiến hành xây dựng các khu mới, làm xuất hiện những doanh nghiệp quản lý hơn một khu kinh tế – quốc phòng dẫn đến sự ra đời của các Tổng thể khu kinh tế – quốc phòng.

Thứ ba, phương thức sản xuất ở các khu kinh tế – quốc phòng tại Tây Nguyên khá đa dạng, linh hoạt hướng tới hiệu quả mang tính tổng thể.

Quá trình hình thành và phát triển của các đơn vị kinh tế – quốc phòng ở Tây Nguyên cho ra đời phương thức sản xuất kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế tập thể và kinh tế hộ gia đình. Hiện nay, chỉ có các khu kinh tế – quốc phòng tại Tây Nguyên có tổ chức hoạt động sản xuất tập trung.

Các khu kinh tế – quốc phòng ở Bắc Tây Nguyên do Binh đoàn 15 và Công ty cà phê 15² quản lý từ quy mô tổ chức đến trình độ phát triển đều đã ở mức độ cao, mang tính bền vững nên vừa sản xuất tập trung vừa phát triển kinh tế hộ gia đình. Cả 2 phương thức sản xuất kết hợp chặt chẽ với nhau, bổ trợ cho nhau, tạo ra nguồn hàng ổn định cung cấp cho thị trường, phát triển kinh tế hàng hóa. Cũng chính vì vậy, những khu kinh tế – quốc phòng này phải nhất thiết do các doanh nghiệp đảm đương, xem phát triển kinh tế là nhiệm vụ chính trị trọng tâm để giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa yếu tố kinh tế và yếu tố quốc phòng.

Mặc dù được xây dựng theo mô hình của Binh đoàn 15, nhưng do vấn đề “đất – dân” trên địa bàn phức tạp cùng với điều kiện khí hậu Nam Tây Nguyên vô cùng khắc nghiệt, Binh đoàn 16 chưa đủ điều kiện để tổ chức sản xuất tập trung quy mô lớn. Yếu tố quốc phòng ở đây cũng được đặt cao hơn so với ở Bắc Tây Nguyên nên Binh đoàn chỉ phát triển sản xuất tập trung trong chừng mực nhất định, nguồn lực chủ yếu để giúp người dân sản xuất, ổn định cuộc sống kết hợp sử dụng các biện pháp dân vận làm nền tảng để bám địa bàn. Thực tế, Binh đoàn 16 đã đạt được những thành tựu lớn trong giải quyết vấn đề dân cư, ổn định tình hình an ninh – chính trị trên địa bàn, xây dựng được hệ thống cơ sở hạ tầng đáp ứng cơ bản nhu cầu sinh sống của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

Đối với khu kinh tế – quốc phòng như ở Ea Súp, Bắc Lâm Đồng, Quảng Sơn thì chủ yếu là giúp dân phát triển kinh tế hộ gia đình. Kinh tế hộ gia đình không đòi hỏi nhiều về nguồn vốn đầu tư lớn, nhân lực, cơ sở nhà xưởng, chế biến nên rất phù hợp cho những đơn vị kinh tế – quốc phòng quy mô nhỏ triển khai xây dựng trên những địa bàn mới có nhiều khó khăn, chưa có điều kiện để tổ chức sản xuất tập trung.

Dù phát triển kinh tế tập thể hay kinh tế hộ gia đình, thì ở khu kinh tế – quốc phòng, người dân cũng được quan tâm, chăm sóc, được hưởng thụ đời sống vật chất, tinh thần tốt hơn trước. Đây là vấn đề căn bản quyết định đến sự tồn tại của khu kinh tế – quốc phòng. Các đơn vị đứng chân tại đây phải trở thành điểm tựa để giúp nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số biết làm kinh tế, vượt qua đói nghèo, có được sự ấm no hạnh phúc trên chính mảnh đất của họ, lấy lợi ích kinh tế để dân bám trụ với địa bàn, là động lực để người dân gắn bó chặt chẽ, lâu dài với khu kinh tế – quốc phòng.

² Công ty cà phê 15 và khu kinh tế – quốc phòng CưMga vốn thuộc Tổng thể khu kinh tế – quốc phòng của Binh đoàn 15. Đến năm 2005, Bộ Quốc phòng đã tách ra và điều chuyển nguyên trạng đơn vị cùng khu kinh tế – quốc phòng CưMga cho Quân khu 5.

3. Một số nhận xét về khu kinh tế – quốc phòng Tây Nguyên

Thực tiễn cho thấy, các khu kinh tế – quốc phòng của quân đội đảm nhiệm đã và đang phát huy toàn diện hiệu quả về kinh tế – xã hội, quốc phòng – an ninh trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên. Các đơn vị quân đội đã thực sự trở thành lực lượng xung kích tham gia xoá đói giảm nghèo.

Mặc dù hiệu quả kinh tế chưa thực sự nổi bật, nhưng về cơ bản các đơn vị đã hoàn thành các mục tiêu chung, tạo dựng được “*một vùng đất Tây Nguyên rộng lớn từ chỗ còn hoang sơ, nay đã phát triển mạnh với hàng ngàn hecta cà phê, cao su đã đến kỳ thu hoạch*” [5, Tr. 100], góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương và tư duy làm kinh tế của nhân dân nói riêng.

Trên tổng diện tích vườn cây vào khoảng gần 58.000 ha cây công nghiệp các loại (trong đó, Binh đoàn 15 có hơn 43.000 ha cao su, 709 ha cà phê và hơn 85 ha lúa nước; Công ty cà phê 15 đã trồng được 1.174,1 ha cà phê, 84,3 ha cao su, 250 ha điều; diện tích 5.000 ha cây công nghiệp của Trung đoàn 720, 726 thuộc Binh đoàn 16), các khu kinh tế – quốc phòng ở Tây Nguyên đang thu hút khoảng hơn 17.000 hộ dân lao động sản xuất tập trung ổn định. Qua đó, đời sống của đồng bào tại chỗ và nhân dân từ khắp nơi trên mọi miền đất nước đến đây ngày càng được nâng cao. Từ sản xuất manh mún, nhỏ lẻ nay đa số nhân dân địa phương đã tham gia nhận khoán, làm công nhân của các binh đoàn, công ty trong những khu sản xuất tập trung quy mô, phát triển kinh tế hộ gia đình hướng tới mục tiêu lâu dài là tạo ra sản phẩm hàng hóa có giá trị đáp ứng nhu cầu thị trường. Đến nay, hơn 85% hộ đồng bào trên địa bàn Binh đoàn 15 quản lý đã có nhà xây, xe máy, phương tiện sản xuất riêng, không còn hộ đói nghèo.

Quá trình triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất khu kinh tế – quốc phòng đã làm cho các khu dân cư nhanh chóng hình thành và ổn định. Trên dọc tuyến biên giới từ Ngọc Hồi, Kon Tum đến Nam Chư Prông, đến giữa năm 2018, Binh đoàn 15 đã tạo dựng được 130 điểm dân cư có hệ thống cơ sở vật chất khá hoàn thiện. Từ Nam Tây Nguyên, Binh đoàn 16 bố trí được 62 đội sản xuất gắn với 59 cụm dân cư theo quy hoạch và tiến độ phát triển sản xuất. Tại đây, các đơn vị đã đón nhận được hơn 18.943 hộ từ khắp mọi miền. Binh đoàn 16 còn tổ chức cho đồng bào người Dao di cư tự do vào khu vực Krông Ana, Krông Nô và vùng dự án Ea Súp, đưa 485 hộ đồng bào người Mông di cư tự do vào ổn định tại khu kinh tế – quốc phòng tại Đắk Rập; Công ty cà phê 15 quy hoạch, sắp xếp cho khoảng 397 hộ dân (trong đó có 310 hộ là dân di cư) vào khu kinh tế – quốc phòng Quảng Sơn, 930 hộ dân (trong đó có 12 hộ đồng bào tại chỗ) vào khu kinh tế – quốc phòng Cư Mga.

Đồng thời, các đơn vị đã xây dựng được số lượng lớn các công trình phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục của địa phương. Hàng nghìn ki lô mét đường giao thông các loại nối liền những thôn bản xa xôi đến các trục đường lớn. Hàng trăm đập giếng, trạm biến áp, cùng 3 công trình thủy điện lớn, 4 trạm tiếp sóng truyền hình cùng hàng

trăm ki lô mét đường điện hạ thế, trung thế mang ánh sáng văn minh đến tận làng bản. Tất cả các đơn vị đều có bệnh xá quy mô hàng chục giường bệnh chăm sóc y tế miễn phí cho cán bộ, nhân dân địa phương; Binh đoàn 15 và 16 có 2 bệnh viện trung tâm, cùng 2 phân viện được xây dựng dưới mô hình quân dân y kết hợp, có trang bị hiện đại, đồng bộ. Các đơn vị của Binh đoàn 15 có 195 nhà trẻ, mầm non, 27 Trường Tiểu học và Trung học cơ sở đảm bảo công tác chăm sóc giáo dục, nâng cao dân trí cho con em cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trên địa bàn.

Cuộc sống ổn định của nhân dân tại các khu kinh tế – quốc phòng là điều kiện để củng cố quốc phòng – an ninh dọc tuyến biên giới đất liền Tây Nguyên, cùng với chính sách dân vận đặc thù của các đơn vị đối với đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, đã góp phần giải quyết được những vấn đề nhạy cảm trên địa bàn. Đồng bào hết sức tin tưởng cán bộ chiến sĩ, nhờ đó, các vùng dự án do quân đội phụ trách, dù ở các vùng xa xôi, hẻo lánh nhưng các phần tử phản động không thể ngang nhiên truyền đạo, lôi kéo đồng bào dân tộc thiểu số biểu tình, các hoạt động sinh hoạt tính nguỡng trái phép nhanh chóng được ngăn chặn.

Trong cuộc bạo loạn chính trị ở các tỉnh Tây Nguyên, không chỉ không tham gia biểu tình mà còn có nhiều đồng bào người dân tộc thiểu số ở các khu kinh tế – quốc phòng đã tích cực tham gia vận động bà con, góp phần cùng bộ đội và chính quyền địa phương nhanh chóng ổn định tình hình.

Nhìn chung, hệ thống các khu Kinh tế - Quốc phòng ở Tây Nguyên đang phát triển khá ổn định, song tại một số khu kinh tế – quốc phòng ở Nam Tây Nguyên còn bộc lộ những hạn chế nhất định.

Tình trạng thiếu nước tưới cho diện cây trồng của đơn vị vẫn còn xảy ra, ảnh hưởng đến sự phát triển chung của toàn bộ dự án, từ đó tác động đến đời sống của nhân dân. Người dân không có động lực để bám trụ lâu dài với vùng dự án. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các khu dân cư ở đây hình thành chậm so với tiến độ. Sản xuất không hiệu quả, không có lợi nhuận nên một số các khu kinh tế – quốc phòng tại Nam Tây Nguyên còn dựa vào sự bao cấp của Nhà nước, từ đó không tạo nên sự linh động trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ kinh tế – xã hội. Mặt khác, tuy đạt được nhiều thành tựu khi tổ chức hoạt động bộ máy lưỡng dụng cũng như sản xuất tập trung, nhưng vì vừa phải tập trung sản xuất, vừa phải tiến hành sắp xếp dân cư trên quy mô lớn nên cán bộ, chiến sĩ các đơn vị kinh tế – quốc phòng của Binh đoàn 16 trong giai đoạn mới thành lập phải chịu những áp lực không nhỏ. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh tế của các đơn vị này.

Mặc dù còn một số các hạn chế nhưng các khu kinh tế – quốc phòng trên địa bàn Tây Nguyên cho thấy, dù ở trình độ phát triển nào thì *“thông qua các dự án này, đã giải quyết hiệu quả các vấn đề kinh tế – xã hội ở những vùng khó khăn, củng cố và xây dựng mối quan hệ gắn bó quân dân trong thời kỳ mới. Điều này góp phần làm thất bại âm mưu chia rẽ, chống phá từ bên trong của các thế lực thù*

địch, tạo nên khối đại đoàn kết thống nhất các dân tộc Việt Nam bảo vệ biên giới, chủ quyền của Tổ quốc.”
[5; Tr. 316]

Để nâng cao những hiệu quả mà các đơn vị làm được, ổn định tình hình xã hội, dân cư, giúp nhân dân phát triển sản xuất, bảo vệ thành công vùng biên giới nhạy cảm của Tổ quốc tại các khu kinh tế – quốc phòng Tây Nguyên thì cần phải giải quyết những vấn đề sau đây:

Các khu kinh tế – quốc phòng muốn hoàn thành mục tiêu đặt ra, cần trải qua nhiều giai đoạn phát triển, vì vậy các đơn vị đứng chân tại đây phải xây dựng lộ trình phù hợp với mỗi giai đoạn đó. Đoàn kinh tế – quốc phòng là tổ chức nhỏ, phù hợp với các địa bàn không được tự nhiên ưu đãi, điều kiện dân cư phức tạp, chưa đủ điều kiện sản xuất quy mô lớn. Khi hội tụ đủ những yếu tố về khách quan và chủ quan, có thể cấp tư cách pháp nhân kinh tế cho các đoàn kinh tế – quốc phòng trở thành doanh nghiệp để đảm nhiệm hoạt động sản xuất tập trung tại các khu kinh tế – quốc phòng, tránh những biểu hiện nóng vội, đốt cháy giai đoạn.

Hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, các đơn vị *phải thường xuyên tổ chức xây dựng, điều chỉnh lại các phương án khoán sản phẩm với các định mức kinh tế sát với thực tế điều kiện sản xuất cụ thể*; qua đó xây dựng đơn giá tiền lương phù hợp, tác động tốt tới người lao động. Đặc biệt chú trọng phát huy lợi thế của từng đơn vị, yêu cầu của từng địa bàn, từng dự án, mở rộng địa bàn hoạt động và ngành nghề sản xuất, kinh doanh đảm bảo phát triển hợp lý.

Đối với địa bàn chiến lược như Nam Tây Nguyên, cùng với số tiền đầu tư rất lớn mà Nhà nước dành cho các dự án ở đây thì việc cần phải nhanh chóng tìm được phương hướng sản xuất phù hợp, mạnh dạn đầu tư cho vấn đề thu lợi trên quy mô lớn để các đơn vị có thêm nguồn lực, nâng cao khả năng thu hồi vốn, giữ chân lực lượng sản xuất là hết sức cấp bách.

Mặc khác, để các khu kinh tế – quốc phòng phát triển bền vững thì việc đầu tiên là *phải cấp đủ đất cho dân, đồng thời với những biện pháp, chính sách hỗ trợ ban đầu, quản lý chặt chẽ diện tích đất đã cấp, không để hiện tượng dân bán đất đã được cấp, v.v.* Muốn làm được điều này phải huy động được sự tham gia của chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể đặc biệt phải phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, những người có uy tín trong thôn, buôn.

Cần phải lưu ý về mối quan hệ giữa công tác dân vận và phát triển kinh tế. Trong đó, công tác dân vận phải có sự vận dụng điều chỉnh linh hoạt, phù hợp với luật tục của dân làng. Hiệu quả của hoạt động kinh tế và công tác dân vận là các nhân tố hàng đầu quyết định đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, vì vậy cần phải được xây dựng các phương án thực hiện thống nhất để 2 hoạt động này có thể hỗ trợ nhuần nhuyễn cho nhau, không được tách rời nhau, không được xem nhẹ nhân tố nào. Nhất là tại các khu kinh tế – quốc phòng gặp nhiều hạn chế, khó khăn trong phát triển kinh tế thì phải thực hiện dân vận tốt, dân vận tốt giúp phát huy được sức mạnh kinh tế.

4. Kết luận

Khu kinh tế – quốc phòng là mô hình đặc thù, là cách thức xây dựng kinh tế chỉ có ở Quân đội Nhân dân Việt Nam. Mô hình này có ý nghĩa rất lớn trong việc phát triển kinh tế, thực hiện xóa đói giảm nghèo cho nhân dân vùng biên giới, vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Vì vậy, việc xây dựng, duy trì và phát triển khu kinh tế – quốc phòng là rất quan trọng; đó là quá trình phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

Tây Nguyên là nơi khu kinh tế – quốc phòng xuất hiện đầu tiên trong cả nước gắn với sự ra đời và phát triển của các đơn vị quân đội làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế gắn với củng cố quốc phòng – an ninh tại đây. Có thể nói mô hình khu kinh tế – quốc phòng ở Tây Nguyên đã được kiểm nghiệm theo nhiều giai đoạn thăng trầm của lịch sử và đến nay, đã cơ bản hoàn thiện. Mặc dù có một số hạn chế nhưng các đơn vị quân đội xây dựng khu kinh tế – quốc phòng ở Tây Nguyên đang thực hiện hiệu quả nhiệm vụ chiến lược mà Đảng, Nhà nước tin tưởng giao phó. Uy tín và thương hiệu của Binh đoàn 15, Binh đoàn 16 đã trở thành hình mẫu của bộ đội xây dựng kinh tế kết hợp quốc phòng với việc tạo ra những mô hình tổ chức bộ máy, phát triển sản xuất, tạo từ đó thay đổi mọi mặt đời sống đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương. Đây là cơ sở để các đơn vị quân đội đứng chân tiếp tục đẩy mạnh tiến độ xây dựng các dự án kinh tế – quốc phòng, giữ vững vai trò tiên phong trên mặt trận xóa đói giảm nghèo, giúp dân làm giàu, củng cố vững chắc “thế trận lòng dân”, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ và giữ gìn sự ổn định tại vùng đất chiến lược, vùng xung yếu của Tổ quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Quốc phòng (1999), *Báo cáo tóm tắt tình hình triển khai xây dựng và trình duyệt dự án đầu tư xây dựng khu kinh tế – quốc phòng Bình Phước – Nam Đắc Lắc*, số 490/QP, ngày 2-3-1999, Văn phòng Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (1999), *Đề án quy hoạch tổng thể quân đội tham gia xây dựng phát triển kinh tế – xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa gắn với xây dựng các khu quốc phòng – an ninh trên các địa bàn chiến lược biên giới, ven biển* (Theo Quyết định 135/1998/QĐ-TTg ngày 31-7-1998 của Thủ tướng Chính phủ, số 3887/BQP, ngày 27-12-1999, Văn phòng Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
3. Bộ Quốc phòng (2004), *Từ điển bách khoa Quân sự Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
4. Bộ Tư lệnh Binh đoàn 15 (2015), *Lịch sử Binh đoàn 15 (1985 – 2015)*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
5. Bộ Tư lệnh Binh đoàn 16 (2005), *Lịch sử Đảng bộ Binh đoàn 16 (1996 – 2005)*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
6. Cục Kinh tế (2015), *Báo cáo tham luận tại Hội thảo liên kết vùng Kinh tế ngày 24-7-2015*, Phòng Hành chính – Cục Kinh tế (Bộ Quốc phòng), Hà Nội.
7. Cục Kinh tế (2015), *Chi thị số 30/KT-KH Về việc xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển*

- kinh tế – xã hội và bảo đảm quốc phòng – an ninh vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011 – 2020*, Phòng Hành chính – Cục Kinh tế (Bộ Quốc phòng), Hà Nội.
8. Nguyễn Xuân Đại (2017), *Đoàn kinh tế - quốc phòng thực hiện chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta hiện nay*, Học viện Chính Trị, Hà Nội.
 9. Trần Mạnh Hùng (2008), *Đầu tư phát triển các khu kinh tế – quốc phòng ở Việt Nam hiện nay*, trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
 10. Đỗ Mạnh Hùng (2011), *Bàn về tính đặc thù của khu kinh tế – quốc phòng*, Tạp chí Kinh tế quốc phòng, số 2-2011.
 11. Lương Văn Mạnh (2012), *Đẩy mạnh xây dựng khu kinh tế – quốc phòng trên các địa bàn chiến lược, biên giới, hải đảo*, Tạp chí Kinh tế quốc phòng, số 1-2012.
 12. Nguyễn Văn Rinh (2003), *Kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế trong tiến trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
 13. Thủ tướng Chính phủ (2000), *Quyết định phê duyệt Đề án tổng thể quân đội tham gia xây dựng phát triển kinh tế – xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa gắn với xây dựng các khu quốc phòng – an ninh trên các địa bàn chiến lược biên giới, ven biển*, số 227/QĐ-TTg, ngày 31-3-2000, Văn phòng Bộ Quốc phòng, Hà Nội.
 14. Phạm Toàn Thắng (2019), *Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đoàn kinh tế – quốc phòng*, Tạp chí kinh tế – quốc phòng, số 1-2019.
 15. Phạm Văn Trà (2009), *Hồi kí Đồi chiến sĩ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.

THE MODEL OF ECONOMY–DEFENCE ZONES IN TAY NGUYEN

Nguyen Thuy Trang

University of Education, Hue University, 34 Le Loi St., Hue, Vietnam

Abstract: Undertaking the task of economic development associated with the consolidation of national defense and security on the strategic land of the Central Highlands for nearly a half-century, the military units such as the 15th corps and the 16th corps have created a system of economy–defense zones stretching along the border with Laos and Cambodia. The economy–defense zones in the Central Highlands are a typical model. This model shows the operation mode that the military units specializing in economic operations in the area have flexibly deployed to adapt, firmly reside at the locality, and meet the mission requirements for each historical period. The article focuses on clarifying some specific points of the economy–defense zones in the Central Highlands compared with other localities in the country.

Keywords: economy–defense zone, 15th corps, 16th corps, Central Highlands